

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

18/12

D71.109

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA21DDB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/12/2023

Phòng thi: D71.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115421006	Đặng Thị Mai Chi	17/11/2003	Nữ	9,2	3,5	6,4	001	AK		
2	115421018	Trần Thị Ngọc Hân	17/02/2003	Nữ	7,8	2,8	5,3	002	8		
3	115421022	Hứa Thị Mỹ Hậu	15/08/2003	Nữ	8,8	4,3	6,6	003	myhu		
4	115421037	Nguyễn Anh Kiệt	05/12/2003	Nam	9,2	3,5	6,4	004	Kuc		
5	115421038	Nguyễn Tuấn Kiệt	01/01/2003	Nam	7,9	2,3	5,1	005	tuanki		
6	115421053	Phan Tuyết Ngân	23/08/2003	Nữ	8,9	1,8	5,4	006	Phan		
7	115421057	Phạm Thị Bích Ngọc	02/09/2003	Nữ	7,6	6,0	6,8	007	ngoc		
8	115421059	Hồ Thị Thảo Nguyên	07/05/2003	Nữ	8,7	3,3	6,0	008	ngt		
9	115421063	Lê Thị Thảo Nhi	05/09/2003	Nữ	9,2	3,5	6,4	009	le		
10	115421066	Hồ Thị Kiều Như	01/11/2003	Nữ	8,0	3,5	5,8	010	hu		
11	115421071	Đoàn Trọng Phúc	14/03/2003	Nam	8,4	3,0	5,7	011	thuc		
12	115421084	Huỳnh Lâm Ngọc Quyên	06/12/2003	Nữ	8,9	3,8	6,4	012	hu		
13	115421090	Quách Ngọc Băng Thanh	07/07/2002	Nữ	9,2	5,8	7,5	013	thanh		
14	115421091	Trần Thị Cẩm Thanh	18/08/2003	Nữ	9,2	5,3	7,3	014	ethanh		
15	115421102	Trần Thị Thùy Tiên	13/06/2003	Nữ	9,2	5,8	7,5	015	thuytien		
16	115421104	Trần Nhật Tiến	22/09/2003	Nam	8,2	2,8	5,5	016	tan		
17	115421113	Đoàn Thị Huyền Trân	17/12/2003	Nữ	9,2	5,0	7,1	017	huan		
18	115421115	Mai Thị Quế Trân	10/11/2003	Nữ	9,2	4,5	6,9	018	mai		
19	115421125	Kim Thị Mai Trúc	09/10/2003	Nữ	8,7	4,0	6,4	019	kim		
20	115421147	Bùi Thị Anh Thư	14/03/2002	Nữ	9,5	5,3	7,4	020	thi		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: ĐM Đặng Sơn Hậu

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 60 %

Trà Vinh, Ngày 24.. tháng ..12.. năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Leu Cao Ducng phuong lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA21DDB

CBGD: Trần Mộng Đầy (00337)

Hình thức đánh giá: Cài nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....18...../.....12...../.....2023.....

Phòng thi: DA1.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chi
1	115421149	Nguyễn Quỳnh Như	08/08/2003	Nữ	10.0	5.3	7.7	001	<u>ng</u>		
2	115421163	Nguyễn Trần Thiên Xuân	10/08/2003	Nữ	8.8	5.5	7.2	002	<u>ng</u>		
3	115421164	Lê Thị Yến Nhi	07/10/2003	Nữ	8.7	3.5	6.1	003	<u>ltn</u>		
4	115421166	Sơn Hiếu Toàn	02/05/2003	Nam	8.9	6.0	7.5	004	<u>san</u>		
5	115421168	Nguyễn Thị Hoài Thơ	26/10/2003	Nữ	8.2	5.0	6.6	005	<u>nt</u>		
6	115421178	Trần Thị Bích Ngọc	03/10/2003	Nữ	9.4	5.5	7.5	006	<u>tb</u>		
7	115421184	Lương Thị Ngọc Tiên	26/02/2003	Nữ	9.1	4.0	6.6	007	<u>lt</u>		
8	115421193	Nguyễn Khánh Tâm	07/08/2003	Nam	8.2	3.5	5.9	008	<u>tain</u>		
9	115421198	Dương Phúc Lợi	06/05/2003	Nam	8.5	3.0	5.8	009	<u>lc</u>		
10	115421214	Phạm Duy Khánh	07/09/2003	Nam	8.6	4.3	6.5	010	<u>du</u>		
11	115421219	Bùi Thị Mỹ Duyên	27/05/2003	Nữ	8.9	2.8	5.9	011	<u>duyen</u>		
12	115421233	Lê Thúy Hằng	02/03/2003	Nữ	9.5	7.0	8.3	012	<u>lh</u>		
13	115421235	Huỳnh Hồng Đào	19/07/2003	Nữ	8.6	3.5	6.1	013	<u>dao</u>		
14	115421238	Nguyễn Thị Mộng Cẩm	17/08/2003	Nữ	8.5	3.3	5.9	014	<u>cam</u>		
15	115421252	Thạch Thị Ngọc Hoa	09/12/2003	Nữ	8.8	5.0	6.9	015	<u>th</u>		
16	115421271	Nguyễn Hoàng Duy	03/11/2003	Nam	9.2	5.0	7.1	016	<u>duy</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 16..

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50.....%; Điểm KT: 50.....%

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Laull Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Laull Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Laull

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

18/12

D71-114

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA21DDC

CBGD: Trần Mộng Đầy (00337)

Hình thức đánh giá: Trau nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/12/2023

Phòng thi: D71-114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115421058	Tăng Thảo	10/08/2003	Nữ	9,3	5,3	7,3	001	<u>Thảo</u>		
2	115421170	Giang Thị Mỹ	20/06/2003	Nữ	7,7	3,0	5,4	002	<u>Thị Mỹ</u>		
3	115421175	Thạch Thị	10/04/2003	Nữ	8,0	2,0	5,0	003	<u>Thạch</u>		
4	115421180	Tạ Thị Như	24/04/2003	Nữ	9,3	5,0	7,2	004	<u>Thị Như</u>		
5	115421181	Thị Sóc	13/02/2003	Nữ	7,6	5,3	6,5	005	<u>Thị Sóc</u>		
6	115421190	Hồ Minh	23/02/2003	Nam	8,8	4,5	6,7	006	<u>Hồ Minh</u>		
7	115421192	Phan Thị Mỹ	09/04/2003	Nữ	9,2	4,0	6,6	007	<u>Phan Thị Mỹ</u>		
8	115421204	Võ Thị Huỳnh	28/12/2003	Nữ	8,7	4,8	6,8	008	<u>Võ Thị Huỳnh</u>		
9	115421208	Trương Thị Tú	01/12/2003	Nữ	9,1	4,5	6,8	009	<u>Trương Thị Tú</u>		
10	115421212	Thị Kim	13/11/2002	Nữ	7,7	5,0	6,4	010	<u>Thị Kim</u>		
11	115421213	Nguyễn Hồng	12/10/2002	Nữ	9,3	6,8	8,1	011	<u>Nguyễn Hồng</u>		
12	115421217	Liêu Bảo	25/09/2003	Nữ	8,1	3,3	5,7	012	<u>Liêu Bảo</u>		
13	115421218	Lý Mẫn	07/07/2003	Nữ	8,5	2,8	5,7	013	<u>Lý Mẫn</u>		
14	115421221	Nguyễn Thị Ngọc	27/10/2003	Nữ	7,6	4,8	6,2	014	<u>Nguyễn Thị Ngọc</u>		
15	115421222	Đồng Ngọc	04/07/2003	Nữ	8,8	4,0	6,4	015	<u>Đồng Ngọc</u>		
16	115421230	Trần Ngọc Thảo	24/09/2003	Nữ	7,7	2,3	5,0	016	<u>Trần Ngọc Thảo</u>		
17	115421239	Lê Thị Bảo	16/06/2003	Nữ	8,7	3,3	6,0	017	<u>Lê Thị Bảo</u>		
18	115421243	Nguyễn Nhật	11/04/2003	Nam	9,8	7,3	8,6	018	<u>Nguyễn Nhật</u>		
19	115421244	Bùi Nhật	04/08/2003	Nam	9,1	5,0	7,1	019	<u>Bùi Nhật</u>		
20	115421246	Nguyễn Hạnh Hải	17/05/2003	Nữ	9,5	6,0	7,8	020	<u>Nguyễn Hạnh Hải</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Trần Mộng Đầy

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA21DDC

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....18...../.....12...../.....2023

Phòng thi: D21: 110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115421248	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	18/08/2003	Nữ	9.3	4.0	6.7	017	Tuyen	
2	115421255	Nguyễn Lý Nhật	Tú	17/06/2003	Nữ	8.8	3.8	6.3	018	Tu	
3	115421257	Phan Phạm Anh	Thư	03/09/2003	Nữ	8.8	2.5	5.7	019	Thu	
4	115421258	Thạch Thị Thu	Quang	06/05/2003	Nữ	7.6	5.5	6.6	020	Thu	
5	115421265	Trần Minh	Thùy	17/08/2003	Nữ	8.8	6.0	7.4	021	Thuy	
6	115421267	Lưu Thảo	Nguyên	18/12/2003	Nữ	9.0	6.0	7.5	022	Thao	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06...

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Lưu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Lưu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA21YKE

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/12/2023

Phòng thi: 071.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116020535	Trịnh Bích Quê	09/01/2002	Nữ	8.8	5.5	7.2	001	<u>Trần Mộng Đây</u>		
2	116021012	Lê Kiều Tú	15/08/2003	Nữ	9.8	7.3	8.6	002	<u>Trần Mộng Đây</u>		
3	116021014	Nguyễn Hải Đăng	04/01/2003	Nam	8.9	5.8	7.4	003	<u>Trần Mộng Đây</u>		
4	116021018	Hà Thanh Nhân	27/06/2003	Nam	9.8	6.3	8.1	004	<u>Trần Mộng Đây</u>		
5	116021043	Trần An Khang	01/06/2002	Nam	9.8	5.8	7.8	005	<u>Trần Mộng Đây</u>		
6	116021079	Nguyễn Mai Thúy An	27/02/2003	Nữ	9.5	5.3	7.4	006	<u>Trần Mộng Đây</u>		
7	116021083	Trần Thông Thuận	20/09/2003	Nam	9.6	5.3	7.5	007	<u>Trần Mộng Đây</u>		
8	116021096	Vũ Anh Duy	02/08/2003	Nam	10.0	6.0	8.0	008	<u>Trần Mộng Đây</u>		
9	116021099	Trần Quốc Trí	17/05/2003	Nam	8.0	4.3	6.2	009	<u>Trần Mộng Đây</u>		
10	116021104	Nguyễn Huy Hoàng	29/08/2003	Nam	9.3	6.0	7.7	010	<u>Trần Mộng Đây</u>		
11	116021113	Bùi Minh Thư	04/04/2003	Nữ	9.0	6.3	7.7	011	<u>Trần Mộng Đây</u>		
12	116021114	Trần Anh Thư	27/12/2003	Nữ	10.0	6.0	8.0	012	<u>Trần Mộng Đây</u>		
13	116021119	Phạm Trương Tường	15/09/2003	Nam	10.0	7.0	8.5	013	<u>Trần Mộng Đây</u>		
14	116021122	Nguyễn Thành Thái	21/07/2003	Nam	10.0	6.0	8.0	014	<u>Trần Mộng Đây</u>		
15	116021144	Nguyễn Thị Nhung	15/12/2003	Nữ	9.0	6.8	7.9	015	<u>Trần Mộng Đây</u>		
16	116021145	Mai Phạm Đăng Khoa	04/06/2003	Nam	9.3	6.0	7.7	016	<u>Trần Mộng Đây</u>		
17	116021152	Phạm Hoàng Nam Phương	04/10/2003	Nữ	8.8	5.3	7.1	017	<u>Trần Mộng Đây</u>		
18	116021158	Nguyễn Xuân Quỳnh	04/08/2003	Nữ	10.0	6.8	8.4	018	<u>Trần Mộng Đây</u>		
19	116021183	Trịnh Thị Như Quỳnh	19/05/2003	Nữ	9.2	4.3	6.8	019	<u>Trần Mộng Đây</u>		
20	116021184	Phạm Anh Khoa	26/04/2003	Nam	9.3	5.0	7.2	020	<u>Trần Mộng Đây</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Cường

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Trần Mộng Đây

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

18112

D71.112

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA21YKE

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18 / 12 / 2023

Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	116021198	Nguyễn Bá Khánh	Trình	26/03/2003	Nam	9,8	5,5	7,7	006		
2	116021199	Lâm Thị Thanh	Diệu	12/02/2002	Nữ	9,1	3,5	6,3	007		
3	116021207	Trần Diệu Bảo	Ngân	24/04/2003	Nữ	8,8	5,5	7,2	008		
4	116021225	Trương Cát	Hằng	30/11/2003	Nữ	9,5	5,8	7,7	009		
5	116021248	Ngô Nhật	Anh	09/07/2003	Nữ	9,2	6,3	7,8	010		
6	116021252	Đoàn Gia	Khánh	19/09/2003	Nam	7,9	4,5	6,2	011		
7	116021283	Nguyễn Bích Lệ	Uyển	24/06/1989	Nữ	10,0	5,5	7,8	012		
8	116021288	Huỳnh Thị Kim	Dung	10/11/1992	Nữ	8,1	5,0	6,6	013		
9	116021300	Nguyễn Xuân	Phi	09/04/1992	Nam	9,8	5,5	7,7	014		
10	116021323	Nguyễn Đức	Khánh	24/08/2002	Nam	9,9	5,8	7,9	015		
11	116021327	Lê Ngọc Liên	Nhi	25/11/2002	Nữ	7,8	4,3	6,1	016		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 11

Tổng số tờ: 11

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 24 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Lê

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

18/12

071.113

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA21YKD

CBGD: Trần Mộng Đầy (00337)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/12/2023

Phòng thi: 071.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116021080	Hà Hiếu Minh	22/09/2003	Nam	9,8	4,5	7,2	001	<u>Mu</u>		
2	116021131	Bùi Hữu Nghị	20/05/2003	Nam	9,0	7,3	8,2	002	<u>Nu</u>		
3	116021179	Lê Minh Thư	04/01/2003	Nữ	10,0	4,3	7,2	003	<u>Chu</u>		
4	116021191	Lê Thị Cẩm Nhung	08/12/2003	Nữ	10,0	5,3	7,7	004	<u>zal</u>		
5	116021201	Kim Thị Ngọc Thoa	13/09/2002	Nữ	9,5	5,8	7,7	005	<u>alco</u>		
6	116021206	Trần Nhật Quang	10/11/2003	Nam	9,7	4,8	7,3	006	<u>chua</u>		
7	116021238	Lê Đông Hồ	23/09/2003	Nam	8,6	5,5	7,1	007	<u>ce</u>		
8	116021285	Lê Trúc Phương	13/01/1990	Nữ	9,6	7,5	8,6	008	<u>ph</u>		
9	116021289	Trương Thế Duy	03/05/1995	Nam	9,3	5,0	7,2	009	<u>py</u>		
10	116021317	Thạch Tô Hoàng Anh	05/11/2002	Nam	9,2	5,3	7,3	010	<u>hu</u>		
11	116021318	Kim Thị Ngọc Hân	30/10/2002	Nữ	8,2	5,3	6,8	011	<u>hau</u>		
12	116021319	Kim Trung Hiếu	04/03/2002	Nam	8,2	5,3	6,8	012	<u>phong</u>		
13	116021320	Tăng Thị Hồng Phương	19/12/2002	Nữ	8,5	4,5	6,5	013	<u>pho</u>		
14	116021321	Kim Minh Toàn	26/02/2002	Nam	8,1	3,0	5,6	014	<u>th</u>		
15	116021322	Nguyễn Khải Đạt	20/11/2002	Nam	9,2	5,3	7,3	015	<u>kh</u>		
16	116021326	Huỳnh Nhật Nam	01/07/2002	Nam	9,0	4,5	6,8	016	<u>huar</u>		
17	116021331	Bùi Thị Cẩm Tiên	25/02/2002	Nữ	7,1	3,3	5,2	017	<u>phar</u>		
18	116021371	Nguyễn Lê Phương Tuyền	18/03/1992	Nữ	8,9	4,8	6,9	018	<u>tuyn</u>		
19	116021383	Trần Thị Quế Anh	29/12/2003	Nữ	8,8	3,0	5,9	019	<u>qu</u>		
20	116021384	Nguyễn Thanh Nhiều	21/04/2003	Nam	8,7	4,3	6,5	020	<u>lu</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Phu Nguyễn Anh Phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 90 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Luai Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: luai

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA21YKD

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/12/2023

Phòng thi: D71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116021385	Nguyễn Hồng Vân	11/03/2002	Nữ	9,0	4,0	6,5	021	<u>Va</u>		
2	116021387	Lê Thị Trúc Ngân	13/10/1994	Nữ	8,5	6,3	7,4	022	<u>ngân</u>		
3	116021388	Nguyễn Thái Nguyên	02/06/1991	Nam	7,0	8,0	7,5	023	<u>nguyên</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ: 03

Cán bộ coi thi 1: Phu Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 60 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Thanh Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thanh

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA20KDHT

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: T.N

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18 / 12 / 2023

Phòng thi: 071.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	112120068	Nguyễn Quốc Duy Khang	23/10/2001	Nam	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>		<u>/</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00

Tổng số tờ: /

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 80 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phương Loan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đauk

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA21TSB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....18...../.....12...../.....2023.....

Phòng thi:.....D71.112.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	110321108	Vương Đình Duy	Khanh	02/12/2002	Nam	7,2	2,0	4,6	003	Phkhal		
2	110321119	Lê Hồng	Thắm	05/11/2003	Nữ	7,0	3,3	5,2	004	Tham		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....02.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:02.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....02.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....Nguyễn Thanh Thanh.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 21..... tháng 12..... năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....Lau Cao Dương Phương Lan.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....Lau.....

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA21YKC

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18 / 12 / 2023

Phòng thi: 1071.11.2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116021372	Trần Văn Lý	09/03/1989	Nam	8,8	4,0	6,4	005	<u>[Signature]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: [Signature]

Nguyễn Thanh Thanh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 60 %

Trà Vinh, Ngày 11 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: [Signature] Cao Đức ng. Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: [Signature]

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA21YKF

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....18...../.....12...../.....2023.....

Phòng thi:.....D71112.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116021324	Lê Thị Ái Lil	23/10/2002	Nữ	9.0	5,3	7.2	002	Gi		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:01.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....01.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày ..21.. tháng12.. năm ..2023.....

Cán bộ coi thi 1:.....Nguyễn Thanh Thanh.....

Cán bộ ghi điểm:.....Cao Dương phương Lan.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành